

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Cơ kỹ thuật ứng dụng (207132) - 01

CBGD: Vương Thành Tiên (324)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17138019	Trần Minh Hiếu	DH17TD	<i>Hyang</i>		1,0	1,5	3,0	5,5	0012345678910	0123456789
2	17138021	Nguyễn Đình Hồ	DH17TD	<i>Sh</i>		1,0	1,5	4,5	7,0	0012345678910	0123456789
3	17138036	Huỳnh Kim Ninh	DH17TD	<i>ninh</i>		1,0	1,5	3,0	5,5	0012345678910	0123456789
4	17138044	Nguyễn Linh Sang	DH17TD	<i>Sang</i>		1,0	1,5	3,5	6,0	0012345678910	0123456789
5	17138046	Trần Trung Tâm	DH17TD	<i>Tam</i>		1,0	1,5	4,0	6,5	0012345678910	0123456789
6	17138050	Lê Đức Thịnh	DH17TD	<i>He</i>		1,0	1,5	3,8	6,3	0012345678910	0123456789
7	15138065	Nguyễn Tấn Thịnh	DH15TD	<i>Phu</i>		1,0	1,5	3,0	5,5	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhân của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

(can't stop -
Ngày thi: 16/01/2021)

Capit. VE
Vũ Hồng Tiến



Mã nhận dạng 01885

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Động học và động lực học cơ cấu(207141

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CD_01

Tổ Thi 001_DH19CD_01

Tên CBGD

Vương Thành Tiên

Ngày Thi 22/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

TV202

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19153001	Trần Phước An	DH19CD			1,0	1,5	1,8	4,3	0012345678910	0123456789
2	19153002	Nguyễn Đức Anh	DH19CD			1,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
3	19115009	Lê Nguyễn Bảo	DH19CB			1,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
4	19153003	Vũ Văn Cương	DH19CD			1,0	1,0	0,5	2,5	0012345678910	0123456789
5	19153008	Ngô Trung Đình	DH19CD			1,0	0,5	3,8	5,3	0012345678910	0123456789
6	19153011	Huỳnh Cao Duy	DH19CD			1,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
7	19153012	Lê Công Tiến	DH19CD			1,0	1,5	3,0	5,5	0012345678910	0123456789
8	19153013	Nguyễn Võ Anh	DH19CD			1,0	1,5	2,5	5,0	0012345678910	0123456789
9	19153014	Phạm Đình Duy	DH19CD			1,0	1,5	3,0	5,5	0012345678910	0123456789
10	19153015	Phan Nguyễn Minh	DH19CD			1,0	1,0	3,0	5,0	0012345678910	0123456789
11	17154018	Trần Thế Dư	DH17OT			1,0	1,5	5,0	7,5	0012345678910	0123456789
12	19153010	Nguyễn Ngọc Dương	DH19CD			1,0	1,8	6,0	8,8	0012345678910	0123456789
13	18154021	Lâm Gia Đạt	DH18OT			1,0	1,5	2,5	5,0	0012345678910	0123456789
14	18153012	Trần Tấn Đạt	DH18CD			1,0	1,5	3,0	5,5	0012345678910	0123456789
15	19153007	Trương Quốc Đạt	DH19CD			1,0	1,5	6,0	8,5	0012345678910	0123456789
16	19153004	Nguyễn Hải Đăng	DH19CD			0,0	1,0	2,0	3,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01885

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Động học và động lực học cơ cấu(207141)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CD_01

Tổ Thi 001_DH19CD_01

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 22/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV202

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 16%	Đ2 24%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19153006	Võ Quan	Đăng	Dang		1,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
18	19115020	Huỳnh Ngọc	Đông	Do		1,0	0,5	2,5	4,0	0012345678910	0123456789
19	19153016	Mai Xuân	Hải	Hai		1,0	1,5	2,5	5,0	0012345678910	0123456789
20	19153017	Nguyễn Thanh	Hải	Thi		0,0	1,5	0,0	1,5	0012345678910	0123456789
21	19115030	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Hanh		1,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
22	19153019	Bùi Anh	Hiếu	Hieu		0,0	0,75	0,25	1,0	0012345678910	0123456789
23	19153020	Nguyễn Ngọc	Hiếu	Ngoc		1,0	1,0	2,8	4,8	0012345678910	0123456789
24	19115033	Nguyễn Trung	Hiếu	Tru		1,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
25	16154040	Nguyễn Kim	Hoàng	Kim		1,0	1,25	3,25	5,5	0012345678910	0123456789
26	19153025	Lương Quang	Huy	Huy		1,0	1,0	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
27	19153026	Trần Quốc	Huy	Quoc		1,0	1,25	2,25	4,5	0012345678910	0123456789
28	19115045	Võ Hoàng Nguyên	Hưng	Nguyen		1,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
29	19153029	Hoàng Cao	Khải	Khai		1,0	1,25	0,75	3,0	0012345678910	0123456789
30	19153030	Nguyễn Duy	Khang	Duy		1,0	1,5	4,0	6,5	0012345678910	0123456789
31	19153033	Mai Đăng	Khoa	Pha		1,0	1,25	0,75	3,0	0012345678910	0123456789
32	19153034	Chu Trương Đăng	Khôi	Do		1,0	1,25	0,75	3,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01885

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Động học và động lực học cơ cấu(207141

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH19CD_01

Tổ Thi 001_DH19CD_01

Tên CBGD Vương Thành Tiên

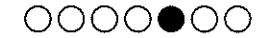
Ngày Thi 22/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV202

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19153035	Lê Quang Kiên	DH19CD			1,0	1,5	4,0	6,5	0012345678910	0123456789
34	19153036	Trần Anh Kiệt	DH19CD			1,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
35	19153037	Đinh Văn Quyền	DH19CD			1,0	1,0	2,8	4,8	0012345678910	0123456789
36	19153039	Lê Văn Lộc	DH19CD			1,0	1,0	0,3	2,3	0012345678910	0123456789
37	19115071	Nguyễn Đức Mạnh	DH19GN	(cấm thi)						0012345678910	0123456789
38	19153041	Đặng Sơn Minh	DH19CD			0,5	1,5	3,0	5,0	0012345678910	0123456789
39	19153043	Lê Tấn Thương	DH19CD			1,0	1,0	0,3	2,3	0012345678910	0123456789
40	19153044	Trần Văn Nam	DH19CD			1,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
41	19153045	Bùi Hoàng Phước	DH19CD	(cấm thi)						0012345678910	0123456789
42	19153048	Lý Thanh Nhân	DH19CD			1,0	1,3	2,0	4,3	0012345678910	0123456789
43	19153049	Võ Văn Nhất	DH19CD			1,0	1,5	5,0	7,5	0012345678910	0123456789
44	19118167	Phạm Thế Nhật	DH19CK			1,0	1,75	4,25	7,0	0012345678910	0123456789
45	19153052	Đỗ Văn Tinh	DH19CD			1,0	1,25	0,25	2,5	0012345678910	0123456789
46	19153056	Lê Văn Phong	DH19CD			1,0	1,3	2,0	4,3	0012345678910	0123456789
47	19153057	Nguyễn Duy	DH19CD			1,0	1,5	3,3	5,8	0012345678910	0123456789
48	19153058	Cao Thành Phú	DH19CD			1,0	1,25	1,75	4,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01885

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Động học và động lực học cơ cấu(207141)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CD_01

Tổ Thi 001_DH19CD_01

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 22/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV202

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19153061	Nguyễn Hồng Phúc	DH19CD			1,0	1,5	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
50	19153063	Lăng Hồng Quân	DH19CD			1,0	1,0	1,3	3,3	0012345678910	0123456789
51	19153064	Lê Hữu Quý	DH19CD			1,0	1,3	2,5	4,8	0012345678910	0123456789
52	19153065	Lê Văn Quý	DH19CD			1,0	1,0	3,8	5,8	0012345678910	0123456789
53	19153066	Nguyễn Trần Sang	DH19CD			1,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
54	19153068	Huỳnh Văn Tấn	DH19CD			1,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
55	19153069	Lương Bảo Thái	DH19CD		(cấm thi)					0012345678910	0123456789
56	19153070	Trương Văn Thái	DH19CD			1,0	1,0	3,0	5,0	0012345678910	0123456789
57	19153072	Hồ Chí Thanh	DH19CD			1,0	1,8	3,5	6,3	0012345678910	0123456789
58	19153073	Nguyễn Tuấn Thanh	DH19CD			1,0	1,3	2,5	4,8	0012345678910	0123456789
59	19153074	Đào Minh Thành	DH19CD			1,0	1,5	1,0	3,5	0012345678910	0123456789
60	19153075	Nguyễn Tấn Thành	DH19CD			1,0	1,0	0,8	2,8	0012345678910	0123456789
61	19115111	Phạm Thị Thanh Thảo	DH19CB			1,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
62	19153071	Nguyễn Cao Thắng	DH19CD			1,0	1,3	0,5	2,8	0012345678910	0123456789
63	19115113	Bạch Phước Thiện	DH19CB			1,0	1,5	3,5	6,0	0012345678910	0123456789
64	19153078	Nguyễn Hưng Thịnh	DH19CD			1,0	1,5	0,25	2,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01885

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Động học và động lực học cơ cấu(207141

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CD_01

Tổ Thi 001_DH19CD_01

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 22/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV202

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	19153079	Hoàng Thông	DH19CD	Thong		1,0	1,3	2,5	4,8	0012345678910	0123456789
66	19153080	Kiều Thuy	DH19CD	Thuy		1,0	1,0	0,5	2,5	0012345678910	0123456789
67	19153081	Bùi Quang	DH19CD	Tien		0,5	0,8	0,5	1,8	0012345678910	0123456789
68	19153082	Nguyễn Công Quyết	DH19CD	Tien		1,0	1,3	3,0	5,3	0012345678910	0123456789
69	19153083	Giáp Trung	DH19CD	Thu		0,0	0,5	3,3	3,8	0012345678910	0123456789
70	19153086	Tạ Thị Ngọc	DH19CD	Anh		1,0	1,8	4,0	6,8	0012345678910	0123456789
71	19153087	Đặng Nguyễn Thành	DH19CD	Th		1,0	1,3	2,0	4,3	0012345678910	0123456789
72	19115135	Võ Trần Đình	DH19GN	(cấm thi)						0012345678910	0123456789
73	19153088	Nguyễn Công	DH19CD	Te		1,0	1,5	0,8	3,3	0012345678910	0123456789
74	19153089	Phạm Lê Tấn	DH19CD	Te (cấm thi)						0012345678910	0123456789
75	19115136	Trần Nhật	DH19CB	✓						0012345678910	0123456789
76	19153090	Mai Lê	DH19CD	Thu		1,0	0,8	0,0	1,8	0012345678910	0123456789
77	19115138	Nguyễn Xuân	DH19GN	(cấm thi)						0012345678910	0123456789
78	19153093	Trần Ngọc	DH19CD	Th		1,0	1,0	1,0	3,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01885

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

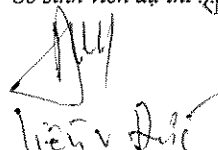
Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Động học và động lực học cơ cấu(207141)** Số Tín Ch **2**
Nhóm Thi **DH19CD_01** Tổ Thi **001_DH19CD_01** Tên CBGD **Vương Thành Tiên**
Ngày Thi **22/01/2021** Giờ Thi **07:30** Phòng Thi **TV202**

Trang 6

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi **12** Số sinh viên vắng **06**


Cán bộ coi thi 1

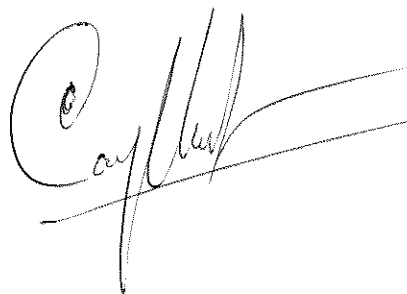

Cán bộ coi thi 2

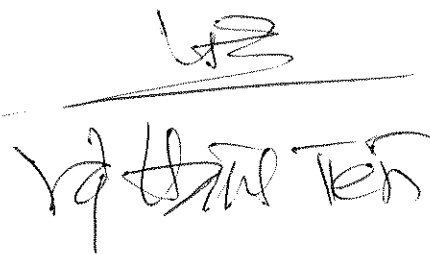
Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____







Mã nhận dạng 01886

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Động học và động lực học cơ cấu(207141)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CK_03

Tổ Thi 001_DH19CK_03

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 22/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV302

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118005	Lương Thái Ban	DH19CC			1,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
2	19118007	Dương Gia Bảo	DH19CK			0,0	1,0	1,5	2,5	0012345678910	0123456789
3	19118008	Lê Đình Bảo	DH19CC			1,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
4	19118010	Lê Thái Thiên	DH19CK			0,5	0,8	0,5	1,8	0012345678910	0123456789
5	19118017	Đỗ Tấn Cảnh	DH19CC			1,0	1,5	2,5	5,0	0012345678910	0123456789
6	19118019	Lê Minh Chiến	DH19CK			1,0	1,0	0,5	2,5	0012345678910	0123456789
7	19118022	Đặng Mai Chung	DH19CK			1,0	1,5	2,0	4,5	0012345678910	0123456789
8	19118026	Đinh Ngọc Cường	DH19CC			1,0	1,0	1,5	3,5	0012345678910	0123456789
9	19118030	Chế Nguyễn Văn Danh	DH19CK			1,0	1,3	2,0	4,3	0012345678910	0123456789
10	19118048	Dương Hoàng Duy	DH19CC			1,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
11	19118052	Văn Thành Duy	DH19CK			1,0	1,5	1,8	4,3	0012345678910	0123456789
12	19118029	Nguyễn Hữu Đăng	DH19CK			1,0	1,5	5,0	7,5	0012345678910	0123456789
13	19118040	Lê Văn Đô	DH19CK			1,0	1,5	1,8	4,3	0012345678910	0123456789
14	19118042	Trần Hữu Đức	DH19CK			1,0	1,3	0,5	2,8	0012345678910	0123456789
15	19118055	Lê Tấn Hải	DH19CC			1,0	1,3	4,5	6,8	0012345678910	0123456789
16	19137017	Nguyễn Thanh Hải	DH19NL			1,0	1,0	4,5	6,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01886

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Động học và động lực học cơ cấu(207141

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CK_03

Tổ Thi 001_DH19CK_03

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 22/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV302

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	15153017	Trịnh Văn Hải	DH15CD			4,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
18	19118060	Dương Trung Hậu	DH19CC			4,0	1,3	4,5	6,8	0012345678910	0123456789
19	19118061	Lê Lý Hậu	DH19CC			4,0	1,25	2,5	4,5	0012345678910	0123456789
20	19118064	Ngô Thành Hiệp	DH19CK			4,0	0,25	0,5	1,5	0012345678910	0123456789
21	19118070	Nguyễn Văn Hoan	DH19CK		(Cấp thi)					0012345678910	0123456789
22	17115041	Phạm Minh Hoàng	DH17GB			4,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
23	19118079	Trần Lê Phúc Hội	DH19CC			4,0	1,5	0,5	3,0	0012345678910	0123456789
24	19118088	Hà Quang Huy	DH19CK			4,0	1,0	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
25	19118093	Nguyễn Minh Huy	DH19CK			4,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
26	19118081	Ngô Trung Hưng	DH19CK			4,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
27	19118083	Nguyễn Duy Hưng	DH19CK			4,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
28	19137033	Nguyễn Duy Khánh	DH19NL			4,0	1,5	4,5	7,0	0012345678910	0123456789
29	17115053	Trần Đăng Khoa	DH17GN			4,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
30	19118116	Lâm Văn La	DH19CC			4,0	0,5	1,0	2,5	0012345678910	0123456789
31	19154083	Nguyễn Bảo Lâm	DH19OT		✓					0012345678910	0123456789
32	19118118	Nguyễn Tùng Lâm	DH19CK			4,0	1,5	3,0	5,5	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 01886

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Động học và động lực học cơ cấu(207141

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CK_03

Tổ Thi 001_DH19CK_03

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 22/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV302

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19118121	Nguyễn Cảnh Liêm	DH19CK	<i>[Signature]</i>		1,0	1,5	6,0	8,5	0012345678910	0123456789
34	19118123	Nguyễn Như Linh	DH19CK	<i>[Signature]</i>		1,0	0,75	1,25	3,0	0012345678910	0123456789
35	19118125	Nguyễn Văn Linh	DH19CC	<i>[Signature]</i>		1,0	1,3	1,0	3,3	0012345678910	0123456789
36	19118127	Nguyễn Bình Lộc	DH19CK	<i>[Signature]</i>		1,0	1,0	4,3	6,3	0012345678910	0123456789
37	19118128	Trần Thanh Lộc	DH19CK	<i>[Signature]</i>		1,0	1,5	3,5	6,0	0012345678910	0123456789
38	19118129	Nguyễn Bá Lợi	DH19CK	<i>[Signature]</i>		1,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
39	19118135	Trần Hữu Luận	DH19CC	<i>[Signature]</i>		1,0	1,25	0,75	3,0	0012345678910	0123456789
40	19118137	Bùi Duy Lũy	DH19CK	<i>[Signature]</i>		1,0	1,5	4,0	6,5	0012345678910	0123456789
41	19118140	Nguyễn Hoàng Mạnh	DH19CC	<i>[Signature]</i>		1,0	1,5	4,5	7,0	0012345678910	0123456789
42	19118142	Đặng Nguyễn Nhật Minh	DH19CK		✓					0012345678910	0123456789
43	19118147	Hoàng Phương Nam	DH19CK	<i>[Signature]</i>		1,0	1,0	3,0	5,0	0012345678910	0123456789
44	19118149	Lâm Nhật Nam	DH19CK	<i>[Signature]</i>		1,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
45	19154097	Nguyễn Hoàng Nam	DH19OT	<i>[Signature]</i>		1,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
46	19118151	Trần Duy Nhật Nam	DH19CK	<i>[Signature]</i>		1,0	1,5	0,8	3,3	0012345678910	0123456789
47	19118153	Nguyễn Minh Nghĩa	DH19CK		(cấm thi)					0012345678910	0123456789
48	19118160	Trần Bá Nguyên	DH19CC	<i>[Signature]</i>		1,0	1,0	0,5	2,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01886

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Động học và động lực học cơ cấu(207141

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CK_03

Tổ Thi 001_DH19CK_03

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 22/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV302

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19118168	Thân Văn Nhó	DH19CK			1,0	1,5	1,8	4,3	0012345678910	0123456789
50	19118171	Trần Trường Phát	DH19CK			1,0	1,5	3,5	6,0	0012345678910	0123456789
51	19118183	Phạm Công Phương	DH19CK			1,0	1,0	0,8	2,8	0012345678910	0123456789
52	19118184	Phạm Minh Phương	DH19CK			1,0	1,25	2,75	5,0	0012345678910	0123456789
53	19118189	Lê Vinh Quang	DH19CK			0,5	1,0	0,0	1,5	0012345678910	0123456789
54	19154126	Nguyễn Mạnh Quang	DH19OT			1,0	1,5	5,5	8,0	0012345678910	0123456789
55	19118187	Trương Quang Quân	DH19CK			1,0	1,25	0,75	3,0	0012345678910	0123456789
56	19118191	Trương Thanh Quý	DH19CK			1,0	2,0	7,0	10,0	0012345678910	0123456789
57	19118193	Huỳnh Văn Quyết	DH19CK			1,0	1,5	5,0	7,5	0012345678910	0123456789
58	19118198	Nguyễn Trường Sơn	DH19CK			1,0	0,5	0,3	1,8	0012345678910	0123456789
59	19137066	Châu Văn Thanh	DH19NL			1,0	1,3	2,5	4,8	0012345678910	0123456789
60	19118214	Lê Ngọc Thanh	DH19CK			1,0	1,0	2,5	4,5	0012345678910	0123456789
61	19118216	Nguyễn Tiến Thành	DH19CK			1,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
62	19118209	Nguyễn Thanh Thắng	DH19CC			1,0	1,0	1,3	3,3	0012345678910	0123456789
63	19118212	Trần Quốc Hùng	DH19CK			1,0	1,5	0,3	2,8	0012345678910	0123456789
64	19118222	Nguyễn Trần Xuân Thiên	DH19CK		✓					0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01886

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Động học và động lực học cơ cấu(207141

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH19CK_03

Tổ Thi 001_DH19CK_03

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 22/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV302

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	19118224	Lâm Thanh Thiện	DH19CC			1,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
66	19118232	Ngô Kế Minh	DH19CK			1,0	1,25	0,75	3,0	0012345678910	0123456789
67	19118241	Trần Hữu Tín	DH19CK			1,0	1,5	3,0	5,5	0012345678910	0123456789
68	19118242	Phan Đặng Hoài	DH19CK			1,0	1,25	2,25	4,5	0012345678910	0123456789
69	19118252	Nguyễn Trần Minh Trí	DH19CK			1,0	1,25	0,75	3,0	0012345678910	0123456789
70	19154173	Trần Hải Triều	DH19OT			1,0	1,5	2,5	5,0	0012345678910	0123456789
71	19118257	Trương Minh Trung	DH19CK			1,0	1,25	1,75	4,0	0012345678910	0123456789
72	19118260	Nguyễn Nhật	DH19CC			1,0	1,5	6,5	9,0	0012345678910	0123456789
73	19118264	Cao Linh Tuấn	DH19CK		✓					0012345678910	0123456789
74	19118271	Phạm Bá Tường	DH19CK			1,0	1,25	3,25	6,0	0012345678910	0123456789
75	19118272	Nguyễn Quốc Vĩ	DH19CK			0,0	0,25	1,75	2,0	0012345678910	0123456789
76	19118274	Tăng Quốc Việt	DH19CK		✓					0012345678910	0123456789
77	19118276	Phạm Thái Bảo Vinh	DH19CK			1,0	1,5	2,0	4,5	0012345678910	0123456789
78	19137082	Từ Trường Vũ	DH19NL			1,0	1,0	2,5	4,5	0012345678910	0123456789
79	19118282	Nguyễn Quốc Vương	DH19CK			1,0	1,25	2,25	4,5	0012345678910	0123456789
80	19118284	Lâm Tuấn Vỹ	DH19CC			1,0	1,5	3,5	6,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01886

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Động học và động lực học cơ cấu(207141

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CK_03

Tổ Thi 001_DH19CK_03

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 22/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV302

Trang 6

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 7.2 Số sinh viên vắng 7....

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Nguyễn Hữu Hòa

Nguyễn Thị Phương Thảo

Caylu

Vương Thành Tiên



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: ĐA TK nhà máy CBNSTP (207218) - 02

CBGD: Lê Anh Đức (328)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 40%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118001	Đoàn Nhật An	DH17CC			9,5	8,0	9,0	8,7	001234567●910	0123456●89
2	17118011	Nguyễn Hữu Huy	DH17CC			9,5	8,0	9,0	8,7	001234567●910	0123456●89
3	17118013	Lai Hàm	DH17CC			8,5	8,0	8,5	8,3	001234567●910	012●456789
4	17118016	Trần Khánh Dân	DH17CC			9,5	8,5	9,0	8,9	001234567●910	012345678●
5	17118027	Nguyễn Anh Duy	DH17CC			9,5	8,0	8,5	8,5	001234567●910	01234●6789
6	17118033	Lê Minh Hiệp	DH17CC			9,5	8,5	9,5	9,1	0012345678●10	0●23456789
7	17118035	Nguyễn Minh Hiếu	DH17CC			9,5	8,5	9,5	9,1	0012345678●10	0●23456789
8	17118043	Hồng Cẩm Huy	DH17CC			9,5	8,5	9,0	8,9	001234567●910	012345678●
9	17118045	Nguyễn Phát Huy	DH17CC			9,5	8,5	9,0	8,9	001234567●910	012345678●
10	17118054	Phan Chí Linh	DH17CC			9,5	8,5	9,5	9,1	0012345678●10	0●23456789
11	17118057	Nguyễn Văn Lương	DH17CC			9,5	8,5	8,0	8,5	001234567●910	01234●6789
12	17118067	Lý Thái Nguyên	DH17CC			9,5	8,0	8,0	8,3	001234567●910	012●456789
13	17118068	Huỳnh Lê Nhân	DH17CC			9,5	8,0	8,0	8,3	001234567●910	012●456789
14	17118069	Lê Văn Nhân	DH17CC			9,5	8,0	8,5	8,5	001234567●910	01234●6789
15	17118070	Trần Trọng Nhân	DH17CC			9,5	8,0	8,0	8,3	001234567●910	012●456789
16	17118071	Phạm Long Nhật	DH17CC			9,5	8,5	9,5	9,1	0012345678●10	0●23456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: ĐA TK nhà máy CBNSTP (207218) - 02

CBGD: Lê Anh Đức (328)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 40%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
17	17118073	Nguyễn Minh Nhựt	DH17CC			9,5	8,0	8,5	8,5	001234567●910	01234●6789
18	17118074	Trần Long Nhựt	DH17CC			9,5	8,0	8,0	8,3	001234567●910	012●456789
19	17118075	Thạch Dương Phát	DH17CC			9,5	8,5	9,5	9,1	0012345678●10	0●23456789
20	17118077	Bùi Thanh Phong	DH17CC			9,5	8,0	8,0	8,3	001234567●910	012●456789
21	17118079	Đặng Nguyên Hoài Phú	DH17CC			9,5	8,5	8,5	8,7	001234567●910	0123456●89
22	17118081	Ngô Hoàng Phúc	DH17CC			9,5	8,0	8,0	8,3	001234567●910	012●456789
23	17118082	Nguyễn Hoàng Phúc	DH17CC			9,5	8,0	9,0	8,7	001234567●910	0123456●89
24	17118083	Trần Thanh Phúc	DH17CC			9,5	8,0	9,0	8,7	001234567●910	0123456●89
25	17118089	Phạm Bùi Tấn Sang	DH17CC			9,5	8,5	8,5	8,7	001234567●910	0123456●89
26	17118097	Lê Quốc Tân	DH17CC			9,5	8,5	9,5	9,1	0012345678●10	0●23456789
27	17118099	Đỗ Đại Thạch	DH17CC			9,5	8,5	9,5	9,1	0012345678●10	0●23456789
28	17118100	Đoàn Tấn Thành	DH17CC			9,5	8,5	8,0	8,5	001234567●910	01234●6789
29	17118105	Nguyễn Bá Thiên	DH17CC			9,5	8,5	8,0	8,5	001234567●910	01234●6789
30	17118113	Huỳnh Hữu Thức	DH17CC			9,5	8,5	8,5	8,7	001234567●910	0123456●89
31	17118114	Bùi Minh Thượng	DH17CC			9,5	8,0	8,5	8,5	001234567●910	01234●6789
32	17118116	Hồ Đoàn Minh Tiên	DH17CC			9,5	8,5	9,0	8,9	001234567●910	012345678●



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: ĐA TK nhà máy CBNSTP (207218) - 02

CBGD: Lê Anh Đức (328)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 40%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
33	17118121	Lê Hoàng Triều	DH17CC			9,5	8,0	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
34	17118123	Huỳnh Hữu Trọng	DH17CC			9,5	8,0	9,0	8,7	0012345678910	0123456789
35	17118124	Trần Hữu Trọng	DH17CC			9,5	8,0	9,0	8,7	0012345678910	0123456789
36	17118126	Nguyễn Thành Trung	DH17CC			9,5	8,0	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
37	17118127	Nguyễn Đan Trường	DH17CC			9,5	8,5	9,5	9,1	0012345678910	0123456789
38	17118133	Phùng Văn Quốc Tuấn	DH17CC			9,5	8,0	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
39	17118141	Nguyễn Trọng Anh Vũ	DH17CC			8,5	8,0	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
40	17118143	Nguyễn Hải Vương	DH17CC			9,5	8,5	9,5	9,1	0012345678910	0123456789
41	17118145	Trần Văn Thanh Xuân	DH17CC			9,5	8,5	8,0	8,5	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Lê Anh Đức

Th.S Nguyễn Văn Công Chính

Lê Anh Đức



Mã nhận dạng 01916

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật sấy(207237)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17CKC_01**

Tổ Thi **001_DH17CKC_01**

Tên CBGD **Lê Anh Đức**

Ngày Thi **12/01/2021**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **HD303**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118156	Nguyễn Thành Biên	DH17CKC			7	7,1	4,0	5,2	0012345678910	0123456789
2	17118157	Nguyễn Thành Đô	DH17CKC			9	7,9	6,2	7,0	0012345678910	0123456789
3	17118160	Trần Á Đông	DH17CKC			9	6,8	4,5	5,6	0012345678910	0123456789
4	17118158	Đặng Thành Hiếu	DH17CKC			9	7,6	4,0	5,6	0012345678910	0123456789
5	17118161	Lê Minh Hoàng	DH17CKC			9	5,8	5,0	5,6	0012345678910	0123456789
6	17118165	Nguyễn Minh Huy	DH17CKC			9	9,0	7,3	8,0	0012345678910	0123456789
7	17115069	Đặng Xuân Minh	DH17CKC			9	6,5	7,0	7,1	0012345678910	0123456789
8	17118146	Lê Nguyễn Mai Phương	DH17CKC			9	7,6	7,0	7,4	0012345678910	0123456789
9	17118149	Phạm Nguyễn Minh Tiến	DH17CKC			9	7,5	5,5	6,5	0012345678910	0123456789
10	17118150	Nguyễn Thái Vĩ	DH17CKC			9	7,4	7,0	7,3	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi **10** Số sinh viên vắng **0**

Ngày 2 Tháng 2 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in 11/12/2020

Lê Văn Tuấn

Th.S Nguyễn Văn Công Chính

Lê Anh Đức



Mã nhận dạng 01919

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Nhập môn ngành cơ khí chế biến bảo quản 208240

Số Tín Ch 1

Nhóm Thi DH20CC_01

Tổ Thi 001_DH20CC_01

Tên CBGD Lê Anh Đức

Ngày Thi 11/01/2021

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi HD303

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20118115	ĐINH THẾ ANH	DH20CC			9,5		8,5	8,7	0012345678910	0123456789
✓ 2	20118122	TRẦN QUỐC BẢO	DH20CC							0012345678910	0123456789
3	20118118	VÕ NGUYỄN VĂN HOÀI BẮC	DH20CC			9,5		5,5	6,3	0012345678910	0123456789
4	20118124	NGUYỄN QUỐC BÌNH	DH20CC			9,5		8,5	8,7	0012345678910	0123456789
5	20118138	NGUYỄN TUẤN ĐIỀU	DH20CC			8,5		4,5	5,3	0012345678910	0123456789
6	20118132	NGUYỄN GIA ĐẠT	DH20CC			9,5		8,5	8,7	0012345678910	0123456789
7	20118019	NGUYỄN VÔ ANH HÀO	DH20CC			8,5		9,0	8,9	0012345678910	0123456789
8	20118156	ĐẶNG CHÁNH HẬU	DH20CC			8,5		5,5	6,1	0012345678910	0123456789
9	20118158	BÙI VINH HIỀN	DH20CC			9,5		8,5	8,7	0012345678910	0123456789
10	20118161	NGUYỄN MINH HIẾU	DH20CC			9,5		8,5	8,7	0012345678910	0123456789
11	20118162	NGUYỄN VÔ XUÂN HIẾU	DH20CC			7,5		2,5	3,5	0012345678910	0123456789
12	20118165	TRẦN VĂN HIẾU	DH20CC			9,5		4,0	5,1	0012345678910	0123456789
✓ 13	20118178	NGUYỄN VĂN HUỲNH	DH20CC							0012345678910	0123456789
14	20118184	VÕ VIỆT KHIÊM	DH20CC			9,5		9,0	9,1	0012345678910	0123456789
15	20118186	TRẦN VĂN KIÊN	DH20CC			9,5		9,0	9,1	0012345678910	0123456789
16	20118189	NGÔ HÀ NHẬT LINH	DH20CC			8,5		9,0	8,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01919

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Nhập môn ngành cơ khí chế biến bảo quản

Số Tín Ch 1

Nhóm Thi DH20CC_01

Tổ Thi 001_DH20CC_01

Tên CBGD Lê Anh Đức

Ngày Thi 11/01/2021

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi HD303

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20118193	ĐẶNG NGỌC LONG	DH20CC			9,5		7,5	7,9	001234568910	0123456789
18	20118192	TRẦN DANH LỢI	DH20CC			9,5		8,5	8,7	001234567910	012345689
19	20118196	NGUYỄN MINH MÃN	DH20CC			9,5		9,0	9,1	001234567810	023456789
20	20118206	PHAN TRỌNG NGHĨA	DH20CC			9,5		8,0	8,3	001234567910	012456789
21	20118216	THIÊN HOÀNG NHẬT	DH20CC			9,5		7,5	7,9	001234568910	0123456789
22	20118218	VÕ THÀNH PHÁP	DH20CC			9,5		8,0	8,3	001234567910	012456789
23	20118221	DƯƠNG TÂN PHÁT	DH20CC			8,5		6,0	6,5	001234578910	012346789
24	20118220	ĐỖ MINH PHÁT	DH20CC			9,5		5,0	5,9	001234678910	0123456789
25	20118229	MAI TRỌNG PHÚ	DH20CC			9,5		7,5	7,9	001234568910	0123456789
26	20118230	UNG A PHÚ	DH20CC			8,5		5,0	5,7	001234678910	012345689
27	20118231	ĐẶNG PHƯỚC HOÀI PHÚC	DH20CC			8,5		5,5	6,1	001234578910	023456789
28	20118232	HUỲNH TRỌNG PHÚC	DH20CC			9,5		9,5	9,5	001234567810	012346789
29	20118234	TRẦN HUNG PHỤNG	DH20CC			9,5		7,0	7,5	001234568910	012346789
30	20118054	VÕ DUY PHƯƠNG	DH20CC			8,5		7,5	7,7	001234568910	012345689
31	20118242	TRẦN QUANG SANG	DH20CC			8,5		6,5	6,9	001234578910	0123456789
√32	20118244	NGUYỄN TÂN HOÀNG TÀI	DH20CC							0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01919

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Nhập môn ngành cơ khí chế biến bảo quản

Số Tín Ch 1

Nhóm Thi DH20CC_01

Tổ Thi 001_DH20CC_01

Tên CBGD Lê Anh Đức

Ngày Thi 11/01/2021

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi HD303

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	20118246	ĐOÀN VĂN TÂM	DH20CC			9,5		7,0	7,5	0012345678910	0123456789
34	20118059	NGÔ HOÀNG TÂM	DH20CC			9,5		9,0	9,1	0012345678910	0123456789
35	20118251	LÊ NGUYỄN VĂN THÁI	DH20CC			9,5		5,0	5,9	0012345678910	0123456789
36	20118253	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	DH20CC			7,5		7,0	7,1	0012345678910	0123456789
37	20118254	NGUYỄN MINH THẮNG	DH20CC			9,5		7,0	7,5	0012345678910	0123456789
38	20118260	NGUYỄN VĂN THỊNH	DH20CC			9,5		7,5	7,9	0012345678910	0123456789
39	20118262	LƯU CHÍ THÔNG	DH20CC			9,5		6,0	6,7	0012345678910	0123456789
40	20118265	ĐẶNG VĂN THUẬN	DH20CC			9,5		5,0	5,9	0012345678910	0123456789
41	20118267	NGUYỄN HỮU THƯỜNG	DH20CC			9,5		5,0	5,9	0012345678910	0123456789
42	20118268	NGUYỄN HOÀNG TIỀN	DH20CC			9,5		6,0	6,7	0012345678910	0123456789
43	20118270	HUỶNH QUỐC TOÀN	DH20CC			9,5		5,0	5,9	0012345678910	0123456789
44	20118280	DƯƠNG MINH TỬ	DH20CC			9,5		3,0	4,3	0012345678910	0123456789
45	20118282	NGUYỄN ĐẶNG MINH TUẤN	DH20CC			9,5		6,0	6,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01919

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Nhập môn ngành cơ khí chế biến bảo quản

Số Tin Ch 1

Nhóm Thi DH20CC_01

Tổ Thi 001_DH20CC_01

Tên CBGD Lê Anh Đức

Ngày Thi 11/01/2021

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi HD303

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 42 Số sinh viên vắng 03

Ngày 01 Tháng 2 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Lê Văn Tuấn

Nguyễn Hữu Hòa

Th.S Nguyễn Văn Công Chính

Lê Anh Đức



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Đồ án thiết bị sấy (207415) - 02

CBGD: Lê Anh Đức (328)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 40 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	17137001	Nguyễn Xuân An	DH17NL			9	8	8	8,2	001234567●910	01●3456789
2	17137005	Mai Thanh Bình	DH17NL			9	6,5	7,5	7,4	00123456●8910	0123●56789
3	17137006	Lưu Nhật Chí	DH17NL			9	7,5	8,5	8,2	001234567●910	01●3456789
4	17137013	Nguyễn Khánh Duy	DH17NL			9	6	5	6,2	0012345●78910	01●3456789
5	17137014	Nguyễn Quang Duy	DH17NL			9	8	8,5	8,4	001234567●910	0123●56789
6	17137017	Tạ Triệu Duy	DH17NL			9	7,5	8,5	8,2	001234567●910	01●3456789
7	17137012	Lê Tấn Đôn	DH17NL			9	8	8,5	8,4	001234567●910	0123●56789
8	17137019	Tô Công Hậu	DH17NL			9	7,5	7	7,6	00123456●8910	012345●789
9	17137020	Nguyễn Thành Hiếu	DH17NL			9	7,5	8	8,0	001234567●910	●123456789
10	17137026	Phan Phước Hoàng	DH17NL			9	6	7	7,0	00123456●8910	●123456789
11	17137028	Nguyễn Huân	DH17NL			9	6	6	6,6	0012345●78910	012345●789
12	17137032	Trần Minh Huy	DH17NL			9	8	8,5	8,4	001234567●910	0123●56789
13	17137033	Phan Đình Huỳnh	DH17NL			9	6	5	6,2	0012345●78910	01●3456789
14	17137030	Phạm Phi Hưng	DH17NL			9	7,5	8	8,0	001234567●910	●123456789
15	17137034	Đỗ Thích Khang	DH17NL			9	6,5	5	6,4	0012345●78910	0123●56789
16	17137035	Đặng Quốc Khánh	DH17NL			9	8	8,5	8,4	001234567●910	0123●56789



Mã nhận dạng 00828



Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Đồ án thiết bị sấy (207415) - 02

CBGD: Lê Anh Đức (328)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 40 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	17137041	Hồ Thanh Lộc	DH17NL	Lộc		9	6,5	7	7,2	0012345678910	0123456789
18	17137042	Ngô Nguyễn Hữu Lộc	DH17NL	Huỳnh		9	6,5	6	6,8	0012345678910	0123456789
19	17137043	Trương Đức Lộc	DH17NL	Lộc		9	7,5	8	8,0	0012345678910	0123456789
20	17137045	Nguyễn Hoàng Minh	DH17NL	M		9	6	7,5	7,2	0012345678910	0123456789
21	17137052	Nguyễn Tấn Phúc	DH17NL	Phúc		9	7,5	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
22	17137056	Đàm Minh Quang	DH17NL	Quang		9	6,5	6	6,8	0012345678910	0123456789
23	17137055	Nguyễn Nhật Quân	DH17NL	Quân		9	8	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
24	17137058	Ngô Thành Qui	DH17NL	Qui		9	8	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
25	17137062	Lê Thị Cẩm Thạch	DH17NL	Thạch		9	8	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
26	17137067	Nguyễn Công Thức	DH17NL	Thức		9	7,5	7	7,6	0012345678910	0123456789
27	17137068	Trần Hữu Tín	DH17NL	Tín		9	8	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
28	17137073	Nguyễn Hải Triều	DH17NL	Triều		9	7,5	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
29	17115132	Lê Huỳnh Hoàng Vân	DH17NL	Vân		9	8	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
30	17137077	Nguyễn Hoài Vũ	DH17NL	Vũ		9	7,5	8	8,0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Lê Anh Đức

Ngày in : 09/11/2020 15:31

Th.S Nguyễn Văn Công Chính

Lê Anh Đức



Mã nhận dạng 00829

Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Đồ án thiết bị sấy (207415) - 03

CBGD: Lê Anh Đức (328)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 22%	Đ2 40%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	17137002	Trương Quốc An	DH17NL			9	8,5	8	8,4	001234567●910	0123●56789
2	17137003	Trịnh Tuấn Anh	DH17NL			9	8,5	8,5	8,6	001234567●910	012345●789
3	17137004	Đặng Tiểu Bình	DH17NL			9	8	8	8,2	001234567●910	01●3456789
4	17137007	Đâu Sỹ Chiến	DH17NL			9	6,5	7,5	7,4	00123456●8910	0123●56789
5	17137009	Nguyễn Võ Quốc Cường	DH17NL			9	7,5	7,5	7,8	00123456●8910	01234567●9
6	17137011	Phan Hữu Danh	DH17NL			9	8,5	8,5	8,6	001234567●910	012345●789
7	17137016	Phan Lê Duy	DH17NL			9	8	8,5	8,4	001234567●910	0123●56789
8	16137011	Nguyễn Chí Đại	DH16NL			9	7	7	7,4	00123456●8910	0123●56789
9	17137023	Mai Văn Hòa	DH17NL			9	8	8	8,2	001234567●910	01●3456789
10	17137027	Từ Minh Hoàng	DH17NL			9	6,5	6,5	7,0	00123456●8910	●123456789
11	17137022	Huỳnh Nhựt Hồ	DH17NL			9	7,5	7	7,6	00123456●8910	012345●789
12	16137034	Nguyễn Nho Hưng	DH16NL			9	7	8	7,8	00123456●8910	01234567●9
13	17137036	Nguyễn Đăng Khôi	DH17NL			9	7,5	7,5	7,8	00123456●8910	01234567●9
14	17137037	Nguyễn Tuấn Kiệt	DH17NL			9	7,5	7,5	7,8	00123456●8910	01234567●9
15	17137040	Hồ Quốc Lộc	DH17NL			9	7,5	8	8,0	001234567●910	●123456789
16	16137049	Ngô Văn Lợi	DH16NL			8	7	8	7,6	00123456●8910	012345●789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Đồ án thiết bị sấy (207415) - 03

CBGD: Lê Anh Đức (328)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 40%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	17137046	Nguyễn Na Na	DH17NL	Na		9	8	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
18	17137050	Võ Tấn Ngoan	DH17NL	Quang		9	8	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
19	17137051	Phạm Nhật Phong	DH17NL	phong		9	6,5	7	7,2	0012345678910	0123456789
20	17137057	Trần Văn Quang	DH17NL	Quang		9	8	8	8,2	0012345678910	0123456789
21	17137059	Phan Thị Thảo Quyên	DH17NL	Thao		9	8	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
22	17137060	Trần Ngọc Sơn	DH17NL	Son		9	8	8	8,2	0012345678910	0123456789
23	17137063	Võ Anh Thi	DH17NL	Anh		9	8,5	8,5	8,6	0012345678910	0123456789
24	17137064	Đỗ Duy Thiện	DH17NL	Thien		9	8	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
25	17137065	Ngô Văn Thịnh	DH17NL	Thinh		9	8	8	8,2	0012345678910	0123456789
26	17137070	Hồ Thị Đài Trang	DH17NL	Trang		9	8,5	8,5	8,6	0012345678910	0123456789
27	17137071	Trần Thủy Trang	DH17NL	Thi		9	8	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
28	17137074	Lê Phước Trọng	DH17NL	Truong		9	7,5	7	7,6	0012345678910	0123456789
29	16137091	Vũ Nhật Trường	DH16NL	Truong		8	7	8	7,6	0012345678910	0123456789
30	16137101	Phạm Văn Vĩ	DH16NL	Vinh		9	7	7,5	7,6	0012345678910	0123456789
31	17137079	Nguyễn An Hoàng Vương	DH17NL	Vuong		9	6,5	6,5	7	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Lê Anh Đức

Ngày in : 09/11/2020 15:31

Th.S Nguyễn Văn Công Chính

Lê Anh Đức